

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Duyên

2. Bà Nguyễn Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1999, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Y, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, hiện trú tại: Tổ dân phố T, phường T, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh năm 2020. Sau khi kết hôn, chị H về sinh sống tại Quảng Ninh cùng gia đình chồng, còn anh T vẫn đi làm tại Hải Phòng do tính chất công việc lái xe Contener. Tuy nhiên, anh T không hề quan tâm vợ con, đi biệt không về nhà và có quan hệ tình cảm phức tạp với nhiều phụ nữ. Cuối năm 2021, để vợ chồng không xa cách chị và con đã chuyển về nhà ngoại ở Hải Phòng sinh sống. Tuy nhiên, anh T vẫn lấy lý do công việc đi triền miên, chỉ thi thoảng về thăm con được một lát. Mặc dù chị H đã khuyên nhủ và cố gắng để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị đã trao đổi với anh T về việc vợ chồng thuận tình ly hôn nhưng anh T không hợp tác và bảo chị thích ly hôn thì tự làm, anh không ý kiến gì. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân quận Hải An giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 08/4/2020. Ly hôn, chị nhận nuôi dưỡng cháu Xuân Sơn đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H nhận nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - anh Nguyễn Xuân T: Quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi làm việc, phiên họp và tại phiên tòa anh Thắng đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, nhưng anh Thắng từ chối không nhận.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện, bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ của chính quyền địa phương, đại diện gia đình thể hiện: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về suy nghĩ, lối sống và sinh hoạt. Hơn nữa anh T có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm tới gia đình, vợ con. Mặc dù mâu thuẫn anh chị đã được gia đình khuyên giải, nhưng quan hệ vợ chồng không cải thiện được. Mâu

thuần anh chị ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H xin ly hôn anh Thắng, quan điểm gia đình đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo nguyện vọng của chị H, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Xuân T .

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Xuân S, sinh ngày 08/4/2020 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: Yêu cầu khởi kiện của chị

Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Xuân T là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là anh Nguyễn Xuân T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phạm Thị H vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh ngày 30/3/2020. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tòa án xác minh và thu thập chứng cứ cho thấy: Trong quá trình chung sống, có những bất đồng trong quan điểm sống, suy nghĩ và tình cảm, hơn nữa anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên giữa anh chị có xảy ra những mâu thuẫn. Mâu thuẫn kéo dài không thể cải thiện được, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Bản thân chị H và gia đình hai bên đã cố gắng khuyên nhủ và tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh chị đã ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T và tiến hành hòa giải nhưng anh T không tham dự hòa giải theo triệu tập của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, là tự từ bỏ quyền lợi của mình trước tòa, đồng thời thể hiện anh T không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Xuân T và chị Phạm Thị H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Xuân S, sinh ngày 08/4/2020. Qua xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy, hiện con chung đang ở với chị H và ông bà ngoại chăm sóc chu đáo, anh T là lái xe container chạy đường dài nên không có điều kiện chăm sóc con chung, do vậy, việc giao con chung cho chị Hương nuôi dưỡng theo có nguyện vọng của chị H là phù hợp, không làm sáo trộn việc sinh hoạt, học tập con chung nên cần được chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Xuân S, sinh ngày 08/4/2020. Cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chị H đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0004954 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - TAND TP Hải Phòng;
 - VKSND quận Hải An;
 - Chi cục THADS quận Hải An;
 - UBND xã , huyện Tiên Yên
- Tỉnh Quảng Ninh ;(ĐKKH ngày 30/3/2020)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thường